

Số: /2024/NQ-HĐND
(DỰ THẢO)

Lai Châu, ngày tháng 7 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

BAN HÀNH QUY ĐỊNH VỀ PHÂN CẤP QUẢN LÝ TÀI SẢN CÔNG THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA TỈNH LAI CHÂU

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU KHOÁ XV, KỲ HỌP THỨ HAI MƯƠI MỐT

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 129/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ Quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi;

Căn cứ Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ Quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Ban hành nghị quyết của HĐND tỉnh quy định về phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công trên địa bàn tỉnh Lai Châu; Báo cáo thẩm tra số /BC-HĐND ngày tháng 7 năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định về phân cấp thẩm việc quản lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lai Châu.

(Có Quy định kèm theo)

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 06/2018/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về ban hành quy định phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

2. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu Khóa XV, Kỳ họp thứ hai mươi một thông qua ngày 15 tháng 7 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 8 năm 2024./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Công báo tỉnh, Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT./.

CHỦ TỊCH

Giàng Páo Mỹ

QUY ĐỊNH
VỀ PHÂN CẤP QUẢN LÝ TÀI SẢN CÔNG THUỘC PHẠM VI QUẢN
LÝ CỦA TỈNH LAI CHÂU

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: /2024/NQ-HĐND ngày tháng 7 năm
2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định về phân cấp quản lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lai Châu, gồm: Mua sắm, thuê, thu hồi, điều chuyển, bán, thanh lý, tiêu hủy; xử lý một số loại tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại; xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án; xử lý tài sản là kết quả của dự án; xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập sở hữu toàn dân; tham quyền xử lý đối với tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi.

2. Ngoài các nội dung tại Quy định này, các nội dung khác về quản lý, sử dụng tài sản công được thực hiện theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản quy định chi tiết.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội. Văn phòng huyện ủy, thành ủy là đơn vị dự toán thuộc ngân sách nhà nước cấp huyện, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lai Châu.

Điều 3. Nguyên tắc phân cấp

1. Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện phân cấp thẩm quyền quyết định cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp, thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị.

2. Việc phân cấp nhằm phân định rõ thẩm quyền, trách nhiệm cho từng cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan. Người được phân cấp thẩm quyền quyết định phải chịu trách nhiệm toàn bộ về quyết định của mình trong việc thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

3. Việc phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công phải phù hợp với quy định Nhà nước về phân cấp quản lý kinh tế - xã hội, quản lý ngân sách Nhà nước và phù hợp với tình hình thực tế, yêu cầu công tác quản lý tài sản công của tỉnh Lai Châu.

4. Tài sản công được đầu tư, trang bị và sử dụng đúng mục đích, tiêu chuẩn, định mức, chế độ, đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm, chống lãng phí. Việc quản lý, sử dụng tài sản công được thực hiện công khai, minh bạch; mọi hành vi vi phạm chế độ quản lý, sử dụng tài sản công phải được xử lý kịp thời, nghiêm minh theo quy định của pháp luật.

5. Hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công, cải cách thủ tục hành chính, tạo điều kiện đẩy mạnh phân cấp thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản công cho Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Phân cấp thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công

1. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục quyết định mua sắm tài sản công trong trường hợp phải lập thành dự án đầu tư được thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công và pháp luật có liên quan.

2. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công trong trường hợp không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 điều này, thực hiện như sau:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mua sắm:

a1) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xin ý kiến Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về chủ trương trước khi quyết định mua sắm tài sản có giá dự toán mua sắm từ 50 tỷ đồng trở lên (*không phân biệt loại tài sản*) và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất;

a2) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; xe ô tô; tài sản khác có giá trị từ 1 tỷ đồng trở lên/01 đơn vị tài sản hoặc giá trị mua sắm từ 7 tỷ đồng trở lên/gói thầu, (*trừ trường hợp quy định tại điểm d khoản 2, Điều này*);

b) Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh và tương đương (*sau đây gọi là đơn vị cấp tỉnh*), Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định mua sắm tài sản công (*trừ trường hợp quy định tại điểm a, khoản 2 điều này*) có giá trị dưới 1 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản hoặc giá trị mua sắm dưới 7 tỷ đồng/01 gói thầu, trong phạm vi dự toán được cấp thẩm quyền giao hằng năm, trên cơ sở tiêu chuẩn, định mức, chịu trách nhiệm về hồ sơ, trình tự, thủ tục và thực hiện mua sắm theo đúng quy định của pháp luật;

c) Thủ trưởng đơn vị dự toán trực thuộc các đơn vị cấp tỉnh, thủ trưởng đơn vị cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện (*sau đây gọi là đơn vị cấp huyện*) và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định mua sắm tài sản (*trừ trường hợp quy định tại điểm a, điểm b và điểm c khoản 2 điều này*) có giá trị dưới 200 triệu đồng cho một gói thầu hoặc trên 01 đơn vị tài sản, trong phạm vi dự toán được cấp thẩm quyền giao, trên cơ sở tiêu chuẩn, định mức, chịu trách nhiệm về hồ sơ, trình tự, thủ tục và thực hiện mua sắm theo đúng quy định của pháp luật;

d) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư: Người đứng đầu quyết định mua sắm tài sản (*trừ cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô*) từ Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và từ nguồn vốn vay, vốn huy động theo chế độ quy định để phục vụ cho các hoạt động sự nghiệp và hoạt động kinh doanh của đơn vị trên cơ sở tiêu chuẩn, định mức, chịu trách nhiệm về hồ sơ, trình tự, thủ tục và thực hiện mua sắm theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 5. Phân cấp thẩm quyền quyết định thuê tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thuê trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp cho các đơn vị cấp tỉnh (*trừ trường hợp quy định tại khoản 5 điều này*).

2. Thủ trưởng các đơn vị cấp tỉnh quyết định thuê tài sản (*trừ trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 5 điều này*) phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình và quyết định thuê tài sản cho đơn vị trực thuộc với giá thuê từ 200 triệu đồng/hợp đồng thuê tài sản trong phạm vi dự toán ngân sách được cấp thẩm quyền giao hàng năm.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thuê tài sản (*trừ trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 5 điều này*) cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện, cấp xã

a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp;

b) Tài sản khác với giá thuê từ 200 triệu đồng/hợp đồng thuê tài sản.

4. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc các đơn vị cấp tỉnh, thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc cấp huyện và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thuê tài sản phục vụ hoạt động của đơn vị mình (*trừ trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 5 điều này*) với giá thuê dưới 200 triệu đồng/hợp đồng thuê tài sản, trong phạm vi dự toán ngân sách được cấp thẩm quyền giao hàng năm.

5. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư: Người đứng đầu quyết định thu hồi tài sản từ Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và từ nguồn vốn vay, vốn huy động theo chế độ quy định để phục vụ cho các hoạt động sự nghiệp và hoạt động kinh doanh của đơn vị.

Điều 6. Phân cấp thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi tài sản công

- a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp;
- b) Xe ô tô;

2. Thủ trưởng các đơn vị cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thu hồi tài sản (*trừ trường hợp quy định tại khoản 1 điều này*) của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

Điều 7. Phân cấp thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chuyển tài sản công

- a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 1 tỷ đồng trở lên/01 đơn vị tài sản;
- b) Xe ô tô (*giữa các đơn vị cấp tỉnh, cấp huyện*);

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định điều chuyển tài sản công (*trừ trường hợp quy định tại khoản 1 điều này*) giữa các đơn vị cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã.

3. Thủ trưởng các đơn vị cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định điều chuyển tài sản công (*trừ trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2 điều này*) và xe ô tô của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

Điều 8. Phân cấp thẩm quyền quyết định bán tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán tài sản công:

- a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp.

Đối với nhà, đất là trụ sở làm việc, công trình sự nghiệp và các tài sản khác gắn liền với đất của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh có nguyên giá theo sổ kế toán từ 50 tỷ đồng trở lên (bao gồm cả giá trị quyền sử dụng đất)/1 đơn vị tài sản, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xin ý kiến Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về chủ trương trước khi quyết định bán đấu giá theo quy định và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

- b) Xe ô tô;

2. Thủ trưởng các đơn vị cấp tỉnh quyết định bán tài sản công (*trừ trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 5 điều này*) của đơn vị mình và

quyết định bán tài sản các đơn vị trực thuộc có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 200 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định bán tài sản công (*trừ trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 5 điều này*) cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện, cấp xã có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 200 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.

4. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc các đơn vị cấp tỉnh, thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định bán tài sản khác (*trừ trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 5 điều này*) của đơn vị mình quản lý có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 200 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

5. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập: Người đứng đầu quyết định bán tài sản được hình thành từ nguồn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp hoặc từ nguồn vốn vay, vốn huy động theo quy định (*trừ cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô*).

Điều 9. Phân cấp thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thanh lý tài sản công

a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 1 tỷ đồng trở lên/01 đơn vị tài sản (*trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 và điểm b khoản 3 điều này*);

b) Xe ô tô;

2. Thủ trưởng các đơn vị cấp tỉnh quyết định thanh lý tài sản công (*trừ trường hợp quy định tại khoản 1 điều này*) của đơn vị mình và quyết định thanh lý tài sản của các đơn vị thuộc phạm vi quản lý

a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 1 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản; công trình vật kiến trúc;

b) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp phải phá dỡ, theo quyết định của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án đầu tư, giải phóng mặt bằng theo quy định của pháp luật;

c) Tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 200 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thanh lý tài sản công (*trừ trường hợp quy định tại khoản 1 điều này*) của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc huyện, cấp xã.

a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 1 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản; công trình vật kiến trúc;

b) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp phải phá dỡ, theo quyết định của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án đầu tư, giải phóng mặt bằng theo quy định của pháp luật;

c) Tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 200 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.

4. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc các đơn vị cấp tỉnh, thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thanh lý tài sản công (*trừ trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 điều này*) của đơn vị mình quản lý có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 200 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

Điều 10. Phân cấp thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản công

1. Thủ trưởng các đơn vị cấp tỉnh quyết định tiêu hủy tài sản theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật có liên quan của đơn vị mình và quyết định tiêu hủy tài sản công của các đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định tiêu hủy tài sản công theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật có liên quan của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc huyện, cấp xã.

Điều 11. Phân cấp thẩm quyền quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị huỷ hoại

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị huỷ hoại

a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 1 tỷ đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.

b) Xe ô tô.

2. Thủ trưởng các đơn vị cấp tỉnh quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị huỷ hoại (*trừ trường hợp quy định tại khoản 1 điều này*) của đơn vị mình và quyết định xử lý tài sản của các đơn vị thuộc phạm vi quản lý

a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 1 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản; công trình vật kiến trúc;

b) Tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 200 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại (*trừ trường hợp quy định tại khoản 1 điều này*) của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc huyện, cấp xã

a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 1 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản; công trình vật kiến trúc;

b) Tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 200 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.

4. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc các đơn vị cấp tỉnh, thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại (*trừ trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 điều này*) có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 200 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

Điều 12. Phân cấp thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước

Thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước hình thức xử lý tài sản là điều chuyển, bán, thanh lý, tiêu hủy và xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại thực hiện theo thẩm quyền quyết định tại Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 9 và Điều 10 của Quy định này.

Điều 13. Phân cấp thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản

a) Tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm; bất động sản vô chủ; bất động sản không có người thừa kế; tài sản bị đánh rơi, bỏ quên là di tích lịch sử - văn hóa; tài sản của các vụ việc xử lý quy định tại khoản này bao gồm cả bất động sản hoặc di tích lịch sử - văn hóa và động sản.

b) Tài sản là nhà, đất, xe ô tô do tổ chức, cá nhân chuyển giao quyền sở hữu cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh (*trừ các tài sản quy định tại khoản 2 và khoản 3, Điều 7, Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05/3/2018 của Chính phủ*).

c) Tài sản do doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển giao không bồi hoàn theo cam kết sau khi kết thúc thời hạn hoạt động.

d) Tài sản là nhà, đất, xe ô tô của quỹ xã hội, tài sản của quỹ từ thiện do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giải thể hoặc do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định giải thể theo ủy quyền.

đ) Tài sản chuyển giao theo hợp đồng dự án đối tác công tư đối với trường hợp cơ quan ký hợp đồng dự án thuộc cấp tỉnh quản lý.

2. Thủ trưởng các đơn vị cấp tỉnh xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản do tổ chức, cá nhân chuyển giao quyền sở hữu cho cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý (*trừ tài sản quy định tại khoản 1 Điều này*).

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản

a) Tài sản do tổ chức, cá nhân chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước Việt Nam giao cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của cấp huyện (*trừ các tài sản là nhà, đất, xe ô tô*).

b) Tài sản của quỹ xã hội, tài sản của quỹ từ thiện do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định giải thể theo ủy quyền (*trừ các tài sản là nhà, đất, xe ô tô*).

c) Tài sản bị đánh rơi, bỏ quên, di sản không người thừa kế không thuộc phạm vi quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

Điều 14. Phân cấp thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án xử lý tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với nhà, đất, xe ô tô.

2. Thủ trưởng các đơn vị cấp tỉnh ra quyết định tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính thì phê duyệt phương án xử lý tài sản (*trừ trường hợp quy định tại khoản 1 điều này*).

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt phương án xử lý đối với các tài sản do cơ quan, người có thẩm quyền thuộc cấp huyện ra quyết định tịch thu (*trừ trường hợp quy định tại khoản 1 điều này*).

Điều 15. Phân cấp thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản là vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án tịch thu (*trừ trường hợp quy định tại điểm a và b, khoản 2, Điều 19, Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05/3/2018 của Chính phủ*)

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án xử lý tài sản là vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án tịch thu đối với nhà, đất, xe ô tô.

2. Giám đốc Sở Tài chính phê duyệt phương án xử lý tài sản là vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án tịch thu do cơ quan thi hành án cấp tỉnh và cơ quan thi hành án cấp quận khu chuyển giao (*trừ quy định tại khoản 1 điều này*).

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt phương án xử lý đối với các tài sản là vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án tịch thu do cơ quan thi hành án cấp huyện chuyển giao (*trừ quy định tại khoản 1 điều này*).

Điều 16. Phân cấp thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản là bất động sản vô chủ, tài sản không xác định được chủ sở hữu, tài sản bị đánh rơi, bị bỏ quên, tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được tìm thấy, di sản không có người nhận thừa kế, hàng hóa tồn đọng (*trừ trường hợp quy định tại điểm a, b và d, khoản 3, Điều 19, Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05/3/2018 của Chính phủ*)

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án xử lý tài sản là bất động sản vô chủ, tài sản không xác định được chủ sở hữu, tài sản bị đánh rơi, bị bỏ quên, tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được tìm thấy, di sản không có người nhận thừa kế, hàng hóa tồn đọng đối với tài sản là nhà, đất, xe ô tô.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt phương án xử lý tài sản là bất động sản vô chủ, tài sản không xác định được chủ sở hữu, tài sản bị đánh rơi, bị bỏ quên, tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được tìm thấy, di sản không có người nhận thừa kế, hàng hóa tồn đọng (*trừ quy định tại khoản 1 điều này*).

Điều 17. Phân cấp thẩm quyền quyết định phê duyệt đề án cho thuê quyền khai thác, thu hồi, thanh lý, xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trong trường hợp bị mất, hủy hoại

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt đề án cho thuê quyền khai thác, thu hồi, thanh lý, xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trong trường hợp bị mất, hủy hoại thuộc cấp tỉnh quản lý.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phê duyệt đề án cho thuê quyền khai thác, thu hồi, thanh lý, xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trong trường hợp bị mất, hủy hoại thuộc cấp huyện quản lý.

Điều 18. Phân cấp thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi (*trừ trường hợp quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 26, Nghị định số 129/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ*)

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc cấp tỉnh quản lý.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc cấp huyện quản lý.

Điều 19. Phân cấp thẩm quyền quyết định bán tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của tỉnh./.